

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:***

- Bà Thân Thị L, sinh năm 1945; địa chỉ: tỉnh Long An; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền cho bà Thân Thị L: Bà Thân Thị B (là nguyên đơn trong vụ án, (văn bản ủy quyền ngày 06/6/2018); bà B có mặt.

- Bà Thân Thị Mai T, sinh năm 1946; địa chỉ: thành phố Hồ Chí M (Địa chỉ liên hệ: thành phố Hồ Chí M); vắng mặt.

- Bà Thân Thị B, sinh năm 1951; địa chỉ: phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

- Ông Thân Trọng V, sinh năm 1959; địa chỉ: USA; có đơn xin xét xử vắng mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Ông Thân Trọng T1, sinh năm 1952; địa chỉ: USA; vắng mặt.

- Chị Thân Trọng Hoàng A, sinh năm 1968; địa chỉ: thành phố Hồ Chí M; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền cho chị Thân Trọng Hoàng A: Ông Thân Trọng M, sinh năm 1957; nơi cư trú: phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (văn bản ủy quyền ngày 07/6/2018); có mặt.

- Chị Tô Thị L, sinh năm 1970; nơi cư trú: 16 N, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền cho bà Tô Thị L: Anh Thân Trọng Hoàng L (là bị đơn trong vụ án, văn bản ủy quyền ngày 20/12/2018); có mặt.

- Em Thân Trọng Hoàng N, sinh ngày 09/12/2001.
- Em Thân Trọng N P, sinh ngày 28/02/2003.
- Em Thân Trọng Ngọc H, sinh ngày 19/11/2007.
- Em Thân Trọng Ngọc T, sinh ngày 27/01/2013.

Đều trú tại địa chỉ: 16 N, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; đều vắng mặt.

Người đại diện theo pháp luật cho các em N, P, H, T: Anh Thân Trọng Hoàng L và chị Tô Thị L; anh L có mặt, chị L vắng mặt.

**** Người làm chứng:***

- Ông Thân Trọng L; nơi cư trú: phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế;

vắng mặt.

- Ông Thân Trọng M; nơi cư trú: phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được xác định như sau, tại đơn khởi kiện đề ngày 22/02/2018, bản tự khai và quá trình hòa giải, nguyên đơn là bà Thân Thị B trình bày:

Cụ ông Thân Trọng Đ (chết năm 1995) và cụ bà Hoàng Thị Y (chết năm 1999) có chung với nhau 07 người con gồm: Bà là Thân Thị B, ông Thân Trọng Đ (chết năm 1968, có 02 người con là Thân Trọng Hoàng L và Thân Thị Hoàng A), bà Thân Thị L, bà Thân Thị Mai T, bà Thân Thị B, ông Thân Trọng T1 và ông Thân Trọng V. Ngoài ra, bà B khẳng định cụ Đ và cụ Y không còn người con nào khác.

Khi còn sống, cụ Đ và cụ Y có tạo lập được khối tài sản gồm: Thửa đất tại địa chỉ số 16 N, phường T, thành phố H theo trích lục địa bộ của chế độ cũ cấp cho cụ Thân Trọng Đ có số hiệu A 396 với diện tích 1 sào 14 thước 8 tấc và một ngôi nhà cấp 4 được xây dựng kiên cố trên thửa đất này.

Vào năm 2002, bà và ông Thân Trọng T1 đã cùng nhau đóng góp tiền để xây dựng thêm một ngôi nhà 02 tầng lên kề với ngôi nhà cấp 4 mà cha mẹ của bà đã xây dựng trước đây.

Sau khi cụ Đ và cụ Y chết thì nhà và đất này do người cháu là Thân Trọng Hoàng L quản lý, sử dụng. Ngày 29/11/2013, Ủy ban nhân dân thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số hiệu BQ 900380, số thửa 209, tờ bản đồ số 10, diện tích 980 m² cho Thân Trọng Hoàng L là người đại diện của những người được thừa kế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông bà Thân Trọng Đ – Hoàng Thị Y. Tuy nhiên, do khi tiến hành làm thủ tục để cấp Giấy chứng nhận, anh L đã kê khai không đầy đủ những người thừa kế của cụ Đ và cụ Y nên bà B và bà T đã khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận này. Ngày 13/9/2016, Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã xét xử vụ án và tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất với số hiệu BQ 900380 mà Ủy ban nhân dân thành phố H đã cấp cho anh Thân Trọng Hoàng L.

Nay bà B khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết phân chia di sản thừa kế của cụ Đ và cụ Y để lại theo pháp luật. Theo đó, bà B thống nhất để lại một phần diện tích 280,2 m² có ngôi nhà trên phần đất này là không chia mà để làm nơi thờ cúng ông bà, tổ

tiên, còn lại 700 m² thì chia cho 07 người thừa kế, mỗi người 100 m². Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, các đồng thừa kế không thống nhất được việc để lại diện tích 280,2 m² đất để sử dụng chung vào việc thờ cúng nên bà B có văn bản đề ngày 24/6/2019, yêu cầu Tòa án chia đều toàn bộ diện tích đất theo kết quả đo đạc, định giá cho 07 người thừa kế. Bà B tự nguyện cắt 40,97m² trong kỷ phần thừa kế của mình và 40,97 m² trong kỷ phần thừa kế của ông Thân Trọng V (ông V đã có văn bản tặng cho bà B toàn bộ kỷ phần thừa kế) để sử dụng làm nhà thờ, phần đất thừa kế còn lại của bà B và ông V là 206,8 m² thì bà B đề nghị được nhận tại vị trí mà ngôi nhà 02 tầng đang tọa lạc bên cạnh phần đất của nhà thờ để thuận tiện trong việc sử dụng chung cho nhà thờ sau này.

Đối với di sản thừa kế là ngôi nhà cấp 4 đang thờ cúng ông bà tổ tiên thì bà B không yêu cầu phân chia.

- Bị đơn là anh Thân Trọng Hoàng L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Tô Thị L (vợ anh L) đều trình bày: A L là con của ông Thân Trọng Đ (chết năm 1968) và bà Nguyễn Thị Đào (chết năm 1973), anh L có một người em gái cùng cha khác mẹ là cô Thân Trọng Hoàng A. Nguồn gốc ngôi nhà cấp 4 và thửa đất tại địa chỉ 16 N, phường T, thành phố H do ông bà nội là cụ Thân Trọng Đ và Hoàng Thị Y tạo lập và để lại.

Vào năm 1995, ông bà nội của anh L có văn bản ủy quyền thừa kế cho ông Thân Trọng T1 nhưng do ông T1 đang ở xa (định cư ở Hoa Kỳ) nên ông bà nội và ông T1 đã thống nhất giao cho anh L được quyền quản lý, sử dụng. Năm 1998, bà nội của anh L là cụ Hoàng Thị Y lập di chúc giao toàn bộ nhà và đất này cho anh L được thừa kế để quản lý và sử dụng.

Sau khi ông bà nội chết, ông Thân Trọng T1 yêu cầu vợ chồng anh L đến ở để quản lý, trông coi và lo hương khói cho ông bà tổ tiên. Năm 2002, ông Thân Trọng T1 gửi số tiền 12.000 đô la Mỹ để xây dựng ngôi nhà 02 tầng, nên việc bà B cho rằng có đóng góp tiền để cùng xây dựng ngôi nhà 02 tầng này là không đúng. Quá trình sử dụng nhà và đất này, vợ chồng anh L chị L không xây dựng gì thêm, không đóng góp công sức, chi phí gì để tôn tạo nhà và đất này.

Trước yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế theo pháp luật của bà Thân Thị B và yêu cầu của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là bà Thân Thị L, bà Thân Thị Mai T, bà Thân Thị B và ông Thân Trọng V, vợ chồng anh L bà L đề nghị Tòa án xem xét căn cứ vào giấy ủy quyền thừa kế của cụ Thân Trọng Đ lập năm 1995 và bản di chúc thừa kế tài sản của cụ Nguyễn Thị Y lập năm 1998 để giải quyết.

- Tại các bản tự khai và quá trình hòa giải, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là bà Thân Thị L, bà Thân Thị Mai T, bà Thân Thị B và ông Thân Trọng V đều xác nhận về hàng thừa kế và di sản thừa kế của cụ Đ và cụ Y như bà Thân Thị B đã trình bày như đã nêu trên, đồng thời đồng ý để lại diện tích 280,2 m² đất để sử dụng chung vào việc thờ cúng ông bà, tổ tiên, còn lại 700 m² thì chia cho 07 người thừa kế, mỗi người 100 m². Tuy nhiên, tại văn bản đề ngày 24/6/2019, bà Thân Thị B và người đại diện theo ủy quyền của bà Thân Thị L là bà Thân Thị B yêu cầu Tòa án chia đều toàn bộ diện tích đất theo kết quả đo đạc, định giá ngày 19/10/2018 cho 07 người thừa kế. Bà B tự nguyện cắt 20 m² trong kỷ phần thừa kế của mình sử dụng chung để thờ cúng, bà L tự nguyện cắt 24,38 m² trong kỷ phần thừa kế của mình sử dụng làm nhà thờ, phần đất còn lại, bà B, bà L yêu cầu được nhận theo hiện vật là quyền sử dụng đất. Bà T và ông V cũng yêu cầu được nhận kỷ phần thừa kế là quyền sử dụng đất theo hiện vật, ông V tự nguyện tặng cho toàn bộ kỷ phần thừa kế được nhận cho bà B.

Về di sản thừa kế là ngôi nhà cấp 4 đang thờ cúng ông bà tổ tiên thì bà L, bà T, bà B, ông V đều không yêu cầu phân chia.

Đối với ngôi nhà 02 tầng được xây dựng vào năm 2002, bà L, bà T, bà B và ông V đều thừa nhận không phải là di sản thừa kế mà ngôi nhà này là do ông Thân Trọng T1 và bà Thân Thị B xây dựng, nên không yêu cầu phân chia.

- Người đại diện theo ủy quyền cho bà Thân Trọng Hoàng A là ông Thân Trọng M trình bày: Bà A là người thừa kế thế vị của ông Thân Trọng Đ, bà A tự nguyện để lại toàn bộ kỷ phần thừa kế mà bà được hưởng để làm nhà thờ. Đối với ngôi nhà cấp 4 do ông bà nội để lại là không chia, còn ngôi nhà 02 tầng là do ông Thân Trọng T1 và bà Thân Thị B xây dựng nên đề nghị Tòa án giao ngôi nhà này cho bà B.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Thân Trọng T1 đã được Tòa án tiến hành ủy thác tư pháp để tổng đạt các giấy tờ theo luật định nhưng không có kết quả do người nhận từ chối nhận các loại giấy tờ tài liệu do Tòa án tổng đạt.

* Về tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án:

- N đơn là bà Thân Thị B đã cung cấp các tài liệu chứng cứ gồm:

+ Giấy tờ về nhà đất (Việt Nam Trung Kỳ Chánh phủ) của cụ Thân Trọng Đ có diện tích 1 sào 14 thước 8 tấc (bản photocopy có dấu treo của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố H);

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 900380 do Ủy ban nhân dân thành phố H cấp ngày 29/11/2013 cho anh Thân Trọng Hoàng L (Là người đại diện của những người thừa kế di sản của cụ Thân

Trọng Đ và cụ Hoàng Thị Y), (bản photocopy có dấu treo của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố H);

+ Bản án số 09/2016/DS-ST ngày 13/9/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 900380 và Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án dân sự của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng (Bản sao).

+ Sơ đồ nhà đất thửa đất số 209, tờ bản đồ số 10, diện tích 980,2 m² tại Tổ 6, phường T, thành phố H (bản photocopy có dấu treo của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố H);

+ Bản sao Giấy chứng tử của cụ Thân Trọng Đ (chết ngày 11/4/1995);

+ Bản sao Giấy chứng tử của cụ Hoàng Thị Y (chết ngày 02/11/1999);

+ Giấy xác nhận những người thừa kế của cụ Thân Trọng Đ và cụ Hoàng Thị Y (Bản sao).

+ Giấy xác nhận địa chỉ ông Thân Trọng V và Thân Trọng T1 (bản photocopy Tiếng A được dịch ra Tiếng Việt của Trung tâm dịch vụ đối ngoại tỉnh Thừa Thiên Huế);

+ Sổ hộ khẩu, Giấy khai sinh, chứng minh nhân dân của bà Thân Thị B (bản sao).

- Bị đơn là anh Thân Trọng Hoàng L đã cung cấp các tài liệu chứng cứ gồm:

+ Giấy ủy quyền thừa kế của cụ Thân Trọng Đ (Bản photocopy).

+ Di chúc thừa kế tài sản của cụ Hoàng Thị Y (Bản sao).

+ Sổ hộ khẩu gia đình, Giấy khai sinh của các cháu Thân Trọng Ngọc H, Thân Trọng Hoàng N, Thân Trọng N P, Thân Trọng Ngọc T (Bản sao).

- Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, xác minh tại chính quyền địa phương và thu thập lời khai của người làm chứng là ông Thân Trọng L và ông Thân Trọng M.

Tại Biên bản định giá ngày 19/10/2018, Hội đồng định giá đã thống nhất các chủng loại tài sản và cây lưu niên, công trình có trên đất của cụ Đ và cụ Y; đồng thời xác định trị giá từng loại tài sản như sau:

+ Về trị giá cây trồng:

Cây Nhãn: Đường kính 79,5 cm, đơn giá 269.000 đồng x 1 cây = 269.000 đồng

Cây Nhãn: Đường kính 30,0 cm, đơn giá 290.000 đồng x 1 cây = 290.000 đồng

Cây Thanh trà: đường kính 9 cm, đơn giá 516.000 đồng x 19 cây = 9.804.000 đồng.

Cây Dâu: Đường kính 25 cm, đơn giá 315.000 đồng x 1 cây = 315.000 đồng.

Cây Mít: Đường kính 35 cm, đơn giá 352.000 đồng x 2 cây = 704.000 đồng .

Cây Măng cầu: Đường kính 5 cm, đơn giá 36.000 đồng x 1 cây = 36.000 đồng.

Cây Mai vàng (2 cây): Đường kính 10 cm, đơn giá: Không xác định.

Cây Bò kết: Đường kính 28,6 cm, đơn giá 193.600 đồng x 01 cây = 193.600 đồng.

Cây Sến: Đường kính 28.6 cm, đơn giá 32.040 đồng x 1 cây = 32.040 đồng.

+Về công trình xây dựng:

Nhà 01 tầng (xây dựng trước năm 1975): Trị giá còn lại: 109.537.000 đồng.

Nhà 02 tầng(xây dựng năm 2002): Trị giá còn lại: 508.293.000 đồng.

Am thờ lớn (01 cái): Trị giá 1.200.000 đồng.

Am thờ nhỏ (02 cái) x 700.000 đồng = 1.400.000 đồng.

Giếng nước 01 cái trị giá 4.200.000 đồng.

Nền sân 136,5 m² trị giá còn lại 29.688.750 đồng.

+ Về đất: Diện tích toàn bộ: 1.010,7 m² ;

Giá đất theo khung giá của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế:

1.010,7 m² x 2.310.000 đồng/ 1m² x 1,3 = 3.035.132.100 đồng.

Giá đất theo giá thị trường:

1.010,7 m² x 3.500.000 đồng = 3.537.450.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự có ý kiến:

Phía nguyên đơn bà B và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập đều thay đổi yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu chia toàn bộ di sản thừa kế gồm ngôi nhà thờ, diện tích 1.010,7 m² đất cùng các tài sản công trình, cây cối trên đất; đồng thời, nhất trí trích 3% tổng giá trị di sản cho Thân Trọng Hoàng L về công sức giữ gìn, bảo quản di sản và thanh toán giá trị cây Thanh Trà cho anh L.

Bà Thân Thị B đề nghị được nhận kỷ phần thừa kế chung về quyền sử dụng đất với kỷ phần thừa kế của ông Thân Trọng V, bà Thân Trọng Hoàng A và ông Thân Trọng T1 tại vị trí có 02 ngôi nhà (ngôi nhà thờ cấp 4 và ngôi nhà 2 tầng); bà B chấp nhận thanh toán phần giá trị liên quan đến ngôi nhà thờ cho các thừa kế còn lại.

Bà Thân Thị Mai T, bà Thân Thị B và ông Thân Trọng M đồng ý với yêu cầu nêu trên của bà B.

Phía anh L có ý kiến: Về công sửa chữa, tôn tạo coi nói thì từ khi đến ở từ năm 1999 cho đến nay, anh L và vợ con không sửa chữa, tôn tạo coi nói gì. Ngôi nhà thờ và thửa đất được giữ nguyên trạng từ xưa đến nay không thay đổi gì. A L yêu cầu trích phần công sức giữ gìn, bảo quản di sản từ khi đến ở vào năm 1999 cho đến nay. A L yêu cầu các thừa kế nhận phần đất có cây Thanh Trà thì thanh toán lại giá trị cho ông theo giá do Hội đồng định giá đã định.

Từ các nội dung đã được xác định nêu trên, Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2019/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26; Điều 37, Điều 147, Điều 469 và Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 123, Điều 623, Điều 649, Điều 651, Điều 652, Điều 660 của Bộ luật dân sự; các Điều 26 và 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

[1] Hủy giấy ủy quyền thừa kế lập ngày 02/5/1995, có chữ ký của hai người làm chứng là ông Thân Trọng L, ông Thân Trọng M và được UBND phường T chứng thực xác nhận ngày 03/5/1995 do giao dịch dân sự vô hiệu.

[2] Không chấp nhận yêu cầu của anh Thân Trọng Hoàng L về việc thừa kế theo Bản di chúc thừa kế tài sản của cụ bà Hoàng Thị Y lập ngày 13/8/1998.

[3] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thân Thị B và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập về việc yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật.

- Về di sản thừa kế: Cụ ông Thân Trọng Đ và cụ bà Hoàng Thị Y trước khi chết có tạo lập được khối tài sản gồm: Thửa đất tại địa chỉ số 16 N, phường T, thành phố H với diện tích là 1.010,7 m² (nay là thửa đất số 209, tờ bản đồ số 10 tọa lạc tại địa chỉ 16 N, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế); một ngôi nhà cấp 4 được xây dựng kiên cố trước năm 1975 trên thửa đất này cùng các công trình, cây cối có trên thửa đất. Tổng trị giá toàn bộ di sản là: 3.685.247.350 đồng. Chấp nhận trích công giữ gìn bảo quản di sản cho anh Thân Trọng Hoàng L 3% tổng giá trị di sản là 110.557.420 đồng.

Tổng giá trị di sản còn lại để chia là: 3.574.689.930 đồng.

- Về hàng thừa kế: Có 07 người thừa kế gồm: Bà Thân Thị B, ông Thân Trọng Đ (chết năm 1968, có 02 người con là Thân Trọng Hoàng L và Thân Trọng Hoàng

Anh được thừa kế thế vị), bà Thân Thị L, bà Thân Thị Mai T, bà Thân Thị B, ông Thân Trọng T1 và ông Thân Trọng V.

- Về phương thức phân chia:

+Về kỹ phần thừa kế bằng giá trị: Mỗi người thừa kế được hưởng kỹ phần thừa kế bằng giá trị là: 510.669.990 đồng.

+Về chia thừa kế bằng hiện vật:

Tạm giao cho bà Thân Thị B, ông Thân Trọng V, ông Thân Trọng T1 và bà Thân Trọng Hoàng A, các kỹ phần thừa kế có ký hiệu 209-2 với diện tích là 416,6 m², bà B được quản lý, sử dụng ngôi nhà thờ cấp 4 và tạm giao cho bà B quản lý căn nhà liền kề 02 tầng (do bà B và ông T1 xây dựng vào năm 2002). Vị trí thửa đất có phía Bắc giáp với thửa 209-1, phía Đông giáp đường N, phía Nam giáp với thửa 209-3, phía Tây giáp thửa 208. T1 tiền 416,6 m² x 3.500.000 đồng/1m² = 1.458.100.000 đồng và sở hữu nhà thờ trị giá 109.537.000 đồng + sân trị giá 29.688.750 đồng + 01 giếng nước trị giá trị giá 4.200.000 đồng + 01 cây Nhãn trị giá 290.000 đồng + 01 cây Sến trị giá 32.040 đồng + 01 cây Mai vàng = 1.601.847.790 đồng. Tổng trị giá các kỹ phần được thực hưởng là: 510.669.990 đồng x 3,5 kỹ phần = 1.787.344.965 đồng. Bà B, ông V, ông T1, chị Hoàng A được nhận phần thanh toán do bà Thân Thị B chuyển trả là 185.497.175 đồng. Bà B, ông V, ông T1, chị Hoàng A được sở hữu 01 cây Thanh Trà và có nghĩa vụ trả lại cho anh L giá trị 01 cây Thanh Trà là 516.000 đồng. Bà B được đại diện nhận toàn bộ di sản được chia. Sau này, ông Thân Trọng T1 có yêu cầu chia phần mà ông được hưởng thì ông T1 có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

Tạm giao cho bà Thân Thị Mai T kỹ phần thừa kế có ký hiệu 209-1, diện tích là 127,1 m². Vị trí thửa đất có phía Bắc giáp với thửa 197, phía Đông giáp đường N, phía Nam giáp với thửa 209-2, phía Tây giáp thửa 208. T1 tiền 127,1 m² x 3.500.000 đồng/1m² = 444.850.000 đồng và được sở hữu 01 cây Mít trị giá 352.000 đồng + 01 cây Bò kết trị giá 193.600 đồng = 545.000 đồng. Tổng cộng 445.395.600 đồng. Kỹ phần của bà T thực hưởng 510.669.990 đồng. Bà T được nhận số tiền do anh L chuyển trả là 5.858.595 đồng và nhận số tiền do bà B chuyển trả là 59.447.835 đồng. Bà T được sở hữu 6 cây Thanh Trà và có nghĩa vụ thanh toán cho anh L giá trị 06 cây Thanh Trà là 3.096.000 đồng.

Tạm giao cho bà Thân Thị L được nhận kỹ phần thừa kế có ký hiệu 209-3 với diện tích là 132,2 m². Vị trí thửa đất có phía Bắc giáp với thửa 209-2, phía Đông giáp đường N, phía Nam giáp với thửa 209-4, phía Tây giáp thửa 208. T1 tiền: 132,2 m² x 3.500.000 đồng/1m² = 462.700.000 đồng và sở hữu 01 cây Mít trị giá 352.000 đồng + 02 Am nhỏ

trị giá 1.400.000 đồng + 01 Am lớn trị giá 1.200.000 đồng và 01 cây Mai vàng = 465.652.000 đồng. Kỳ phần của bà L thực hưởng là 510.669.990 đồng. Bà L được nhận số tiền do anh L chuyển trả là 45.017.990 đồng.

Tạm giao cho anh Thân Trọng Hoàng L được nhận kỳ phần thừa kế có ký hiệu 209-4 với diện tích là 119,0 m². Vị trí thửa đất có phía Bắc giáp với thửa 209-3, phía Đông giáp đường N, phía Nam giáp với thửa 209-5, phía Tây giáp thửa 208. T1 tiền 119,0 m² x 3.500.000 đồng/1m² = 416.500.000 đồng và sở hữu 01 cây Nhãn trị giá 269.000 đồng = 416.769.000 đồng. Kỳ phần của anh L thực hưởng là 255.334.995 đồng và số tiền công sức giữ gìn bảo quản 110.557.420 đồng. Tổng cộng: 365.892.415 đồng, anh L có nghĩa vụ thanh toán cho bà L số tiền là 45.017.990 đồng, thanh toán cho bà T số tiền là 5.858.595 đồng. Trên đất có 06 cây Thanh Trà do anh L trồng nên anh L được hưởng.

Tạm giao cho bà Thân Thị B được nhận kỳ phần thừa kế có ký hiệu 209-5 với diện tích là 215,8 m². Vị trí thửa đất có phía Bắc giáp với thửa 209-4, phía Đông giáp đường N, phía Nam giáp với đường kiệt vào xóm, phía Tây giáp thửa 208. T1 tiền 215,8 m² x 3.500.000 đồng/1m² = 755.300.000 đồng và sở hữu 01 cây Dâu trị giá 315.000 đồng; tổng cộng: 755.615.000 đồng. Kỳ phần của bà B thực hưởng là 510.669.990 đồng. Bà B phải thanh toán cho bà B và những người nhận kỳ phần thừa kế chung với bà B số tiền là 185.497.175 đồng; thanh toán cho bà T số tiền 59.447.835 đồng. Bà B được sở hữu 6 cây thanh trà và có nghĩa vụ thanh cho anh L giá trị 06 cây Thanh Trà là 3.096.000 đồng.

Sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật, những người được nhận kỳ phần thừa kế có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất được nhận theo quy định của pháp luật (có sơ đồ kèm theo).

Những người thừa kế của cụ ông Thân Trọng Đ và cụ bà Hoàng Thị Y có quyền đến thắp hương cho cha mẹ, ông bà tổ tiên trong các dịp cúng giỗ hằng năm và Tết nguyên đán tại ngôi nhà thờ được giao cho bà Thân Thị B quản lý.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về quyền lưu cư, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, anh Thân Trọng Hoàng L có đơn kháng cáo đối với toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh L giữ nguyên kháng cáo và trình bày bản thân anh L là cháu nội của cụ Đ và cụ Y, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chia di sản thừa kế theo Giấy ủy quyền của cụ Đ và Di chúc của cụ Y, đồng thời anh L cho rằng việc anh L quản

lý di sản từ năm 1999 đến nay, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ trích 3% giá trị di sản là quá thấp, yêu cầu tăng tiền công sức quản lý cho vợ chồng anh L.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã tuân thủ và thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận đơn kháng cáo của anh L, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Xem xét kháng cáo của anh Thân Trọng Hoàng L, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về hàng thừa kế và di sản thừa kế: Theo trình bày của các đương sự và nội dung Bản án sơ thẩm xác định, cụ Thân Trọng Đ mất năm 1995 và cụ Hoàng Thị Y mất năm 1999, cụ Đ và cụ Y có 07 người con chung gồm bà Thân Thị B, ông Thân Trọng Đ (mất năm 1968), bà Thân Thị L, bà Thân Thị Mai T, bà Thân Thị B, ông Thân Trọng T1 và ông Thân Trọng V. Ông Đ mất có 02 người con là anh Thân Hoàng Trọng L và chị Thân Thị Hoàng A (chị A là con ngoài giá thú của ông Đ).

Về di sản thừa kế của cụ Đ và cụ Y để lại bao gồm: 01 ngôi nhà cấp 4, tọa lạc trên thửa đất có diện tích qua đo đạc hiện trạng thực tế có diện tích là 1010,7 m² tại địa chỉ 16 N, phường T, thành phố H. Theo biên bản định giá ngày 19/10/2018 ngôi nhà cấp 4 có giá trị 109.537.000 đồng, sân nền có giá trị 29.688.750 đồng, 01 cái am thờ lớn có giá trị 1.200.000 đồng, 01 cái am thờ nhỏ có giá trị 1.400.000 đồng, 01 cái giếng nước trị giá 4.200.000 đồng, một số cây lưu niệm (nhãn, mít, dâu, bồ kết) có giá trị 1.771.600 đồng. Về đất có giá theo thị trường 3.537.450.000 đồng. Tổng cộng di sản thừa kế có giá trị 3.685.247.350 đồng.

Với hàng thừa kế, di sản thừa kế và giá trị được xác định nêu trên, các đương sự đều thống nhất. Theo yêu cầu của đa số đương sự Tòa án đã chia hiện vật và giá trị di sản thừa kế cho các đương sự có yêu cầu, về phần di sản dùng để thờ cúng do các đương sự không thống nhất được phân di sản để lại nên Tòa án cấp sơ thẩm không tách ra, tuy nhiên theo tự nguyện của một số đương sự thì Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã xác định ngôi nhà cấp 4 và một phần diện tích đất của các đương sự tự nguyện để lại làm nơi thờ cúng và giao cho bà B quản lý.

[2]. Anh Thân Trọng Hoàng L trình bày lý do kháng cáo cho rằng trước khi mất cụ Thân Trọng Đ có viết Giấy ủy quyền thừa kế, cụ Hoàng Thị Y có lập di chúc cho anh Thân Trọng Hoàng L được hưởng toàn bộ di sản thừa kế của hai cụ Đ và cụ Y, đồng thời xem xét tăng tiền công sức giữ gìn di sản, thấy rằng:

Xem xét Giấy ủy quyền thừa kế của cụ Thân Trọng Đ lập ngày 02/5/1995 xét thấy: Vào thời điểm lập Giấy ủy quyền ngày 02/5/1995 và UBND xác nhận vào ngày 03/5/1995, nhưng theo Giấy chứng tử thì cụ Đ mất vào ngày 11/4/1995, thời điểm lập và xác nhận là cụ Đ đã mất, theo anh L trình bày tại phiên tòa phúc thẩm cụ Đ ký Giấy ủy quyền theo ngày Dương lịch, nhưng Giấy chứng tử của cụ Đ ký theo ngày Âm lịch, xét đây là những thủ tục hành chính của cơ quan nhà nước không thể có ngày Âm lịch, lời trình bày của anh L là không đúng, theo trình bày của 02 người làm chứng ông Thân Trọng L và ông Thân Trọng M họ có ký giấy ủy quyền vào thời điểm năm 2001 nhằm để anh L được cấp giấy phép xây dựng. Mặc khác, xem xét về nội dung tại thời điểm năm 1995 cụ Hoàng Thị Y vẫn còn sống, một mình cụ Đ không thể ủy quyền toàn bộ tài sản chung cho anh L được.

Xem xét Bản di chúc thừa kế tài sản của cụ Hoàng Thị Y lập ngày 13/8/1998, thấy rằng cụ Y chỉ giao cho anh L quản lý, sử dụng tài sản nhà đất vào việc thờ cúng, theo Di chúc, không có nội dung giao quyền sở hữu di sản cho anh L. Như vậy, Bản án sơ thẩm đã nhận định đánh giá về hai loại tài liệu nêu trên để không chấp nhận yêu cầu của anh L là có cơ sở, đúng pháp luật.

Xem xét kháng cáo yêu cầu tăng số tiền công sức giữ gìn bảo quản di sản thừa kế của anh L, xét thấy: Di sản thừa kế của cụ Đ và cụ Y được chia theo pháp luật, bản thân anh L chỉ được hưởng $\frac{1}{2}$ kỷ phần thừa kế, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã giao cho anh Thân Trọng Hoàng L được nhận diện tích đất là 119,0 m² và số tiền công sức giữ gìn bảo quản giá trị 3% di sản thừa kế với số tiền là 110.557.420 đồng là cao hơn các đồng thừa kế khác, đối với di sản anh L chỉ quản lý, trông nom chứ không sửa chữa, bồi đắp, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét trích công sức giữ gìn bảo quản di sản thừa kế giá trị 3% là phù hợp, thấu tình, đạt lý.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của anh L, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Do không chấp nhận kháng cáo nên anh Thân Trọng Hoàng L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của anh Thân Trọng Hoàng L, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm

Áp dụng: Điều 123, Điều 623, Điều 645, Điều 649, Điều 651, Điều 652, Điều 660 của Bộ luật dân sự;

Xử:

[1] Hủy giấy ủy quyền thừa kế lập ngày 02/5/1995, có chữ ký của hai người làm chứng là ông Thân Trọng L, ông Thân Trọng M và được UBND phường T chứng thực xác nhận ngày 03/5/1995 do giao dịch dân sự vô hiệu.

[2] Không chấp nhận yêu cầu của anh Thân Trọng Hoàng L về việc thừa kế theo Bản di chúc thừa kế tài sản của cụ bà Hoàng Thị Y lập ngày 13/8/1998.

[3] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thân Thị B và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập về việc yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật.

- Về di sản thừa kế: Cụ ông Thân Trọng Đ và cụ bà Hoàng Thị Y trước khi chết có tạo lập được khối tài sản gồm: Thửa đất tại địa chỉ số 16 N, phường T, thành phố H với diện tích là 1.010,7 m²(nay là thửa đất số 209, tờ bản đồ số 10 tọa lạc tại địa chỉ 16 N, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế); một ngôi nhà cấp 4 được xây dựng kiên cố trước năm 1975 trên thửa đất này cùng các công trình, cây cối có trên thửa đất. Tổng trị giá toàn bộ di sản là: 3.685.247.350 đồng. Chấp nhận trích công giữ gìn bảo quản di sản cho anh Thân Trọng Hoàng L 3% tổng giá trị di sản là 110.557.420 đồng.

Tổng giá trị di sản còn lại để chia là: 3.574.689.930 đồng.

- Về hàng thừa kế: Có 07 người thừa kế gồm: Bà Thân Thị B, ông Thân Trọng Đ (chết năm 1968, có 02 người con là Thân Trọng Hoàng L và Thân Trọng Hoàng A được thừa kế thế vị), bà Thân Thị L, bà Thân Thị Mai T, bà Thân Thị B, ông Thân Trọng T1 và ông Thân Trọng V.

- Về phương thức phân chia:

+Về kỹ phần thừa kế bằng giá trị: Mỗi người thừa kế được hưởng kỹ phần thừa kế bằng giá trị là: 510.669.990 đồng.

+Về chia thừa kế bằng hiện vật:

Giao cho bà Thân Thị B, ông Thân Trọng V, ông Thân Trọng T1 và bà Thân Trọng Hoàng A, các kỹ phần thừa kế có ký hiệu 209-2 với diện tích là 416,6 m², bà B được quản lý, sử dụng ngôi nhà thờ cấp 4 và tạm giao cho bà B quản lý căn nhà liền kề 02 tầng (do bà B và ông T1 xây dựng vào năm 2002). Vị trí thửa đất có phía Bắc giáp với

thửa 209-1, phía Đông giáp đường N, phía Nam giáp với thửa 209-3, phía Tây giáp thửa 208. T1 tiền $416,6 \text{ m}^2 \times 3.500.000 \text{ đồng}/\text{m}^2 = 1.458.100.000 \text{ đồng}$ và sở hữu nhà thờ trị giá 109.537.000 đồng + sân trị giá 29.688.750 đồng + 01 giếng nước trị giá trị giá 4.200.000 đồng + 01 cây Nhãn trị giá 290.000 đồng + 01 cây Sến trị giá 32.040 đồng + 01 cây Mai vàng = 1.601.847.790 đồng. Tổng trị giá các kỷ phần được thực hưởng là: 510.669.990 đồng $\times 3,5 \text{ kỷ phần} = 1.787.344.965 \text{ đồng}$. Bà B, ông V, ông T1, chị Hoàng A được nhận phần thanh toán do bà Thân Thị B chuyển trả là 185.497.175 đồng. Bà B, ông V, ông T1, chị Hoàng A được sở hữu 01 cây Thanh Trà và có nghĩa vụ trả lại cho anh L giá trị 01 cây Thanh Trà là 516.000 đồng. Bà B được đại diện nhận toàn bộ di sản được chia. Sau này, ông Thân Trọng T1 có yêu cầu chia phần mà ông được hưởng thì ông T1 có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

Giao cho bà Thân Thị Mai T kỷ phần thừa kế có ký hiệu 209-1, diện tích là 127,1 m^2 . Vị trí thửa đất có phía Bắc giáp với thửa 197, phía Đông giáp đường N, phía Nam giáp với thửa 209-2, phía Tây giáp thửa 208. T1 tiền $127,1 \text{ m}^2 \times 3.500.000 \text{ đồng}/\text{m}^2 = 444.850.000 \text{ đồng}$ và được sở hữu 01 cây Mít trị giá 352.000 đồng + 01 cây Bò kết trị giá 193.600 đồng = 545.000 đồng. Tổng cộng 445.395.600 đồng. Kỷ phần của bà T thực hưởng 510.669.990 đồng. Bà T được nhận số tiền do anh L chuyển trả là 5.858.595 đồng và nhận số tiền do bà B chuyển trả là 59.447.835 đồng. Bà T được sở hữu 6 cây Thanh Trà và có nghĩa vụ thanh toán cho anh L giá trị 06 cây Thanh Trà là 3.096.000 đồng.

Giao cho bà Thân Thị L được nhận kỷ phần thừa kế có ký hiệu 209-3 với diện tích là 132,2 m^2 . Vị trí thửa đất có phía Bắc giáp với thửa 209-2, phía Đông giáp đường N, phía Nam giáp với thửa 209-4, phía Tây giáp thửa 208. T1 tiền: $132,2 \text{ m}^2 \times 3.500.000 \text{ đồng}/\text{m}^2 = 462.700.000 \text{ đồng}$ và sở hữu 01 cây Mít trị giá 352.000 đồng + 02 Am nhỏ trị giá 1.400.000 đồng + 01 Am lớn trị giá 1.200.000 đồng và 01 cây Mai vàng = 465.652.000 đồng. Kỷ phần của bà L thực hưởng là 510.669.990 đồng. Bà L được nhận số tiền do anh L chuyển trả là 45.017.990 đồng.

Giao cho anh Thân Trọng Hoàng L được nhận kỷ phần thừa kế có ký hiệu 209-4 với diện tích là 119,0 m^2 . Vị trí thửa đất có phía Bắc giáp với thửa 209-3, phía Đông giáp đường N, phía Nam giáp với thửa 209-5, phía Tây giáp thửa 208. T1 tiền $119,0 \text{ m}^2 \times 3.500.000 \text{ đồng}/\text{m}^2 = 416.500.000 \text{ đồng}$ và sở hữu 01 cây Nhãn trị giá 269.000 đồng = 416.769.000 đồng. Kỷ phần của anh L thực hưởng là 255.334.995 đồng và số tiền công sức giữ gìn bảo quản 110.557.420 đồng. Tổng cộng: 365.892.415 đồng, anh L có nghĩa vụ thanh toán cho bà L số tiền là 45.017.990 đồng, thanh toán cho bà T số tiền là 5.858.595 đồng. Trên đất có 06 cây Thanh Trà do anh L trồng nên anh L được hưởng.

Giao cho bà Thân Thị B được nhận kỹ phần thừa kế có ký hiệu 209-5 với diện tích là 215,8 m². Vị trí thửa đất có phía Bắc giáp với thửa 209-4, phía Đông giáp đường N, phía Nam giáp với đường kiệt vào xóm, phía Tây giáp thửa 208. T1 tiền 215,8 m² x 3.500.000 đồng/1m² = 755.300.000 đồng và sở hữu 01 cây Dâu trị giá 315.000 đồng; tổng cộng: 755.615.000 đồng. Kỹ phần của bà B thực hưởng là 510.669.990 đồng. Bà B phải thanh toán cho bà B và những người nhận kỹ phần thừa kế chung với bà B số tiền là 185.497.175 đồng; thanh toán cho bà T số tiền 59.447.835 đồng. Bà B được sở hữu 6 cây thanh trà và có nghĩa vụ thanh cho anh L giá trị 06 cây Thanh Trà là 3.096.000 đồng.

Sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật, những người được nhận kỹ phần thừa kế có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất được nhận theo quy định của pháp luật (kèm theo sơ đồ của Bản án sơ thẩm).

Những người thừa kế của cụ ông Thân Trọng Đ và cụ bà Hoàng Thị Y có quyền đến thắp hương cho cha mẹ, ông bà tổ tiên trong các dịp cúng giỗ hàng năm và Tết nguyên đán tại ngôi nhà thờ được giao cho bà Thân Thị B quản lý.

Đối với quyền lưu cư, án phí sơ thẩm giữ nguyên như phần Quyết định của Bản án sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Áp dụng Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, anh Thân Trọng Hoàng L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, anh L đã nộp đủ tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 005611 ngày 23/12/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cục THADS tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Công Thi